TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VN** **TỈNH KH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày 08 tháng 4 năm 2024
V/v: Đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN, TỈNH KH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Tuyết Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thái Việt

2. Ông Hà Ngọc Phi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh KH tham gia phiên tòa*:* Ông Lê Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P- sinh năm: 1971;

Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bạch T - sinh năm 1963; trú tại: Thôn BT 1, xã VB, huyện VN, tỉnh KH (theo Giấy uỷ quyền lập ngày 14/12/2023). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn H - sinh năm: 1967;

Bà Võ Thị P1 - sinh năm: 1965;

Cùng trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH.

Ông H có mặt, bà P1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 05 tháng 9 năm 2023 của nguyên đơn, bản tự khai đề ngày 02 tháng 01 năm 2024, Biên bản hòa giải ngày 30 tháng 01 năm 2024 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25 tháng 12 năm 2010, bà Nguyễn Thị P cho vợ chồng ông Nguyễn H, bà Võ Thị P mượn 18 (mười tám) chỉ vàng 96% để ông H bà P1 đóng thuyền, có phương tiện để đi biển đánh bắt hải sản về bán lại tôm, mực cho bà P. Mục đích bà P cho mượn số vàng trên để ông H, bà P1 có P tiện để làm ăn nên hai bên không thỏa thuận về lãi suất, còn về thời hạn trả nợ khi nào ông H, bà P1 không còn làm nghề đi biển nữa thì phải trả số vàng trên lại cho bà P. Hai bên có làm giấy viết tay có nội dung: "Ngày 25 tháng 12 năm 2010, chị P1 còn mượn P 18 chỉ" do bà P1 viết. Trong số nợ trên thì vợ chồng ông H, bà P1 đã trả được cho bà P 03 (ba) chỉ vàng 96%, cụ thể:

- Ngày 29 tháng 8 năm 2012 trả 01 (một) chỉ vàng 96%.

- Ngày 29 tháng 3 năm 2020 trả 01 (một) chỉ vàng 96%.

- Vào tháng 3 năm 2021 (không nhớ rõ ngày) trả 01 (một) chỉ vàng 96%.

Tuy nhiên từ cuối năm 2022 cho đến nay, ông H, bà P1 không còn bán tôm mực cho bà P như đã thỏa thuận ban đầu và cũng không trả số vàng còn nợ mặc dù bà P đã đòi nhiều lần. Bà T xác định ông H, bà P1 còn nợ của bà P 15 (mười lăm) chỉ vàng 96%. Bà T yêu cầu ông H, bà P1 phải trả số vàng này cho bà Nguyễn Thị P.

* Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18 tháng 01 năm 2024, Biên bản hòa giải ngày 30 tháng 01 năm 2024, bị đơn ông Nguyễn H trình bày:

Giữa vợ chồng ông H và bà Nguyễn Thị P có quen biết nhau. Khoảng năm 2010, vợ chồng ông H có mượn của bà P 20 (hai mươi) chỉ vàng 96% để mua thuyền làm ăn, nếu đi biển có hải sản thì đem về bán cho bà P. Hai bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ, khi nào vợ chồng ông không còn làm nghề biển nữa thì phải trả số vàng trên cho bà P. Thời gian sau đó vợ chồng ông H có trả dần nhiều lần, mỗi lần trả bao nhiêu và vào ngày tháng năm nào thì ông H không nhớ rõ nhưng đã trả tổng cộng được 05 chỉ vàng 96%. Giấy tờ về việc mượn vàng đều do bà P giữ. Ông H xác định vợ chồng ông còn nợ của bà P 15 (mươi lăm) chỉ vàng 96%.

Tuy nhiên hoàn cảnh gia đình ông H, bà P1 hiện tại rất khó khăn. Vào năm 2017, sau đợt bão làm hư hỏng thuyền thì vợ chồng ông không còn phương

tiện làm ăn nào khác. Bà P1 thì đau bệnh nhiều năm nay. Nên dù bà P có đòi nợ nhiều lần vợ chồng ông vẫn không có khả năng trả nợ. Đối với số vàng còn nợ bà P, ông H xin trả dần cho đến khi hết nợ.

* Tại Đơn trình bày ngày 18 tháng 01 năm 2024 gửi đến Tòa, bị đơn bà Võ Thị P1 cũng xác định khoảng năm 2010, vợ chồng bà có mượn của bà Nguyễn Thị P 20 (hai mươi) chỉ vàng 96% để làm ăn, bà P không lấy lãi. Vợ chồng bà đã trả cho bà P nhiều lần được 05 (năm) chỉ vàng 96%. Hiện nay vợ chồng bà còn nợ lại bà P 15 (mười lăm) chỉ vàng 96%. Bà P1 sẽ trả số vàng còn nợ bà P nhưng do hoàn cảnh gia đình hiện tại khó khăn, bà xin thêm thời gian để có thể trả hết nợ.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, bà P1 có đơn đề nghị hòa giải và giải quyết xét xử vắng mặt.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị P yêu cầu ông Nguyễn H và bà Võ Thị P1 - cùng trú tại: Tổ dân phố số 15, thị trấn Vạn Giã, huyện VN, tỉnh KH trả số vàng còn nợ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị P1 vắng mặt đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bạch T đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn H và bà Võ Thị P1 phải

trả cho nguyên đơn một lần toàn bộ số vàng còn nợ là 15 (mười lăm) chỉ vàng 96% và không yêu cầu tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản hòa giải: Bị đơn ông Nguyễn H cũng thống nhất với lời khai của bà T về thời gian vợ chồng ông mượn vàng của bà Nguyễn Thị P, về số vàng còn nợ và nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa tuy bà P1 vắng mặt nhưng theo nội dung Đơn trình bày đề ngày 18/01/2024, bà P1 vẫn xác nhận vợ chồng bà có mượn vàng của bà P và số vàng còn nợ. Ông H, bà P1 xác định hiện tại còn nợ bà Nguyễn Thị P 15 (mười lăm) chỉ vàng 96% và ông H bà P1 chịu trách nhiệm trả nợ cho bà P.

Căn cứ vào giấy viết tay lập ngày 25/12/2010 mà nguyên đơn đã nộp có chữ viết của bà Võ Thị P1 và các lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Vợ chồng ông Nguyễn H, bà Võ Thị P1 còn nợ bà Nguyễn Thị P 15 (mười lăm) chỉ vàng 96%.

Thời điểm xác lập giao dịch giữa bà P và vợ chồng ông H, bà P1 là năm 2010 nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

Việc ông H, bà P1 không thanh toán số nợ trên cho bà P trên đã vi phạm quy định về quyền đòi lại tài sản và nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 256 của Bộ luật Dân sự 2005 đồng thời gây khó khăn cho bà P trong việc thu hồi nợ, ảnh hưởng quyền lợi của bà P nên việc bà Pkhởi kiện yêu cầu ông H, bà P1 trả số vàng trên cho bà P là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Ông H, bà P1 đồng ý trả 15 (mười lăm) chỉ vàng 96% cho bà P nhưng tại phiên tòa ông H xin quy ra tiền trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng, trả liên tục hàng tháng đến khi trả hết số nợ. Tuy nhiên, việc ông H đề nghị không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Nguyễn H, bà Võ Thị P1 phải trả một lần cho bà Nguyễn Thị P toàn bộ số vàng là 15 (mười lăm) chỉ vàng 96%.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Yêu cầu của bà Nguyễn Thị P được chấp nhận nên bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, giá vàng bán ra của tiệm vàng tại địa phương là 6.980.000đ (sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn H, bà Võ Thị P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là [6.980.000đồng/chỉ x 15 chỉ) x 5%] = 5.235.000đ (năm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 256 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn H, bà Võ Thị P1 phải trả số nợ 15 (mười lăm) chỉ vàng y 96% cho bà Nguyễn Thị P.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn H, bà Võ Thị P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 5.235.000đ (năm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà P số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002113 ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn (có mặt) là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; quyền kháng cáo của bị đơn (vắng mặt) là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KH;
- VKSND tỉnh KH;
- VKSND huyện VN;
- Chi cục THADS huyện VN
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu AV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Vũ Tuyết Mỹ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Huỳnh Thái Việt

Hà Ngọc Phi

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Vũ T Mỹ